

**Tuần 18: 3/01/22- 8/01/22**

## **ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ 1**

### **A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

#### **1. Năng lực chung**

- Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện việc ôn tập và hệ thống hoá kiến thức của chủ đề;
- Giao tiếp và hợp tác: Lắng nghe, chia sẻ với bạn cùng nhóm để thực hiện nội dung ôn tập;
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kỹ năng để giải quyết vấn đề liên quan trong thực tiễn và trong các nhiệm vụ học tập.

#### **2. Năng lực khoa học tự nhiên**

- Nhận thức khoa học tự nhiên: Hệ thống hoá được kiến thức về Chủ đề 2, 3,4, 5, 6,7;
- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: Vận dụng kiến thức đã học tham gia giải quyết các nhiệm vụ ôn tập

### **B.TỔ CHỨC DẠY HỌC**

#### **Hoạt động 1: Hệ thống hoá kiến thức**

GV định hướng cho HS hệ thống hoá được kiến thức về chủ đề 2: Các thể của chất, Chủ đề 3: Oxygen và không khí, Chủ đề 4: một số vật liệu, nhiên liệu..., Chủ đề 5: Chất tinh khiết - Hỗn hợp..., Chủ đề 6: Tế bào - đơn vị cơ sở của sự sống, Chủ đề 7: Từ tế bào đến cơ thể.

#### **Hoạt động 2: Hướng dẫn trả lời các câu hỏi đề cương**

## **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KÌ I KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6**

### **A. Trắc nghiệm**

#### **\*CHỦ ĐỀ 2, 3**

**Câu 1. Đặc điểm cơ bản để phân biệt vật thể tự nhiên và vật thể nhân tạo là**

A. Vật thể nhân tạo đẹp hơn vật thể tự nhiên.

- B. Vật thể nhân tạo do con người tạo ra.
- C. Vật thể tự nhiên làm từ chất, còn vật thể nhân tạo làm từ vật liệu.
- D. Vật thể tự nhiên làm từ các chất trong tự nhiên, vật thể nhân tạo làm từ các chất nhân tạo.

**Câu 2. Tất cả các trường hợp nào sau đây đều là chất?**

- A. Đường mía, muối ăn, con dao.
- B. Con dao, đôi đũa, cái thìa nhôm.
- C. Nhôm, muối ăn, đường mía.
- D. Con dao, đôi đũa, muối ăn.

**Câu 3. Tính chất nào sau đây là tính chất hoá học của khí carbon dioxide?**

- A. Chất khí, không màu.
- B. Không mùi, không vị.
- C. Tan rất ít trong nước.
- D. Làm đục dung dịch nước vôi trong (dung dịch calcium hydroxide).

**Câu 4. Khi một can xăng do bất cẩn bị bốc cháy thì chọn giải pháp chữa cháy nào được cho dưới đây phù hợp nhất?**

- A. Phun nước.
- B. Dùng cát đổ trùm lên.
- C. Dùng bình chữa cháy gia đình để phun vào.
- D. Dùng chiếc chăn khô đắp vào.

**Câu 5. Chất nào sau đây chiếm tỉ lệ thể tích lớn nhất trong không khí?**

- A. Oxygen.
- B. Hydrogen.
- C. Nitrogen.
- D. Carbon dioxide.

**Câu 6. Hoạt động nông nghiệp nào sau đây không làm ô nhiễm môi trường không khí?**

- A. Đốt rơm rạ sau khi thu hoạch.
- B. Tưới nước cho cây trồng.
- C. Bón phân tưới cho cây trồng.
- D. Phun thuốc trừ sâu để phòng sâu bọ phá hoại cây trồng.

**Câu 7. Để bảo vệ môi trường không khí cần phải thực hiện các biện pháp?**

- A. Di chuyển các cơ sở sản xuất ra ngoài thành phố và khu dân cư.
- B. Xây dựng hệ thống xử lý rác, hạn chế các nguồn ô nhiễm, sử dụng nguồn nguyên liệu sạch....
- C. Giảm phương tiện giao thông cá nhân, trồng cây xanh, Tuyên truyền vận động....
- D. Tất cả đều đúng.

**Câu 8. Phương tiện giao thông nào sau đây không gây hại cho môi trường không khí?**

- A. Máy bay.
- B. ô tô.
- C. Tàu hoả.
- D. Xe đạp.

**\*CHỦ ĐỀ 4, 5**

**Câu 9. Để làm đường ray tàu hoả, người ta sử dụng vật liệu nào dưới đây?**

A. Nhôm.      B. Đồng.      C. sắt.      D. Thép

**Câu 10. Để xây tường, lát sân người ta sử dụng vật liệu nào dưới đây?**

A. Gạch.      B. Ngói.      C. Thuỷ tinh.      D. Gỗ.

**Câu 11. Để sản xuất xi măng, tạc tượng người ta sử dụng vật liệu nào dưới đây?**

A. Nhôm.      B. Đá vôi.      C. Thuỷ tinh.      D. Gỗ.

**Câu 12. Việc áp dụng mô hình 3R nhằm sử dụng vật liệu**

A. bảo đảm an toàn.      B. bảo đảm hiệu quả.

C. bảo đảm sự phát triển bền vững.      D. Cả A, B, c.

**Câu 13. Để củi dễ cháy khi đun nấu, người ta không dùng biện pháp nào sau đây?**

A. Phơi củi cho thật khô.

B. Cung cấp đầy đủ oxygen cho quá trình cháy.

C. Xếp củi chồng lên nhau, càng khít nhau càng tốt.

D. Chẻ nhỏ củi.

**Câu 14. Để sử dụng nhiên liệu tiết kiệm và hiệu quả cần phải cung cấp một lượng không khí hoặc oxygen?**

A. vừa đủ.

B. thiếu.

C. dư.

D. tùy ý.

**Câu 15. Hình ảnh dưới đây mô tả quá trình hình thành**



A. Huyền phù.

B. Nhũ tương.

C. Dung dịch.

D. dung môi.

**\*CHỦ ĐỀ 6, 7**

**Câu 16. Đặc điểm của tế bào nhân thực là**

A. có thành tế bào.

B. có chất tế bào

C. có màng nhân bao bọc vật chất di truyền.

D. có lục lạp

**Câu 17. Khi một tế bào lớn lên và sinh sản sẽ có bao nhiêu tế bào mới hình thành?**

A. 8.

B. 6.

C. 4.

D. 2.

**Câu 18. Quan sát tế bào bên và cho biết mũi tên đang chỉ vào thành phần nào của tế bào.**

- A. Màng tế bào.
- B. Chất tế bào.
- C. Nhân tế bào.
- D. Vùng nhân.

**Câu 19. Quan sát tế bào bên và cho biết mũi tên đang chỉ vào thành phần nào của tế bào.**

- A. Màng tế bào.
- B. Chất tế bào.
- C. Nhân tế bào.
- D. Vùng nhân.

**Câu 20. Hệ cơ quan ở thực vật bao gồm**

- A. hệ rễ và hệ thân.
- B. hệ thân và hệ lá.
- C. hệ chồi và hệ rễ.
- D. hệ cơ và hệ thân.

**Câu 21. Đơn vị cấu tạo và chức năng cơ bản của mọi cơ thể sống là:**

- A. Mô
- B. tế bào
- C. cơ quan
- D. hệ cơ quan

**Câu 22. Trong cơ thể đa bào, tập hợp các tế bào giống nhau cùng thực hiện chức năng nhất định được gọi là**

- A. mô
- B. tế bào
- C. cơ quan
- D. hệ cơ quan

### **B. Tự Luận**

**Câu 1. a/ Ô nhiễm không khí ảnh hưởng như thế nào đến sức khỏe con người?**

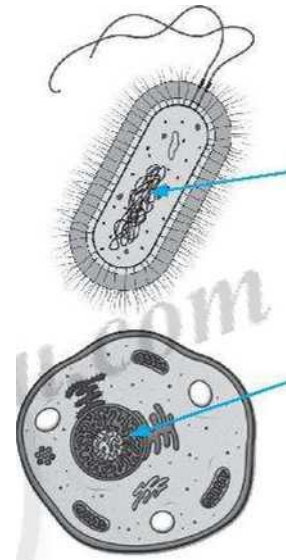
**b/ Em hãy đề xuất một số biện pháp nhằm bảo vệ bầu không khí ở trường học hoặc là nơi e ở?**

**Trả lời**

a/ Gây ra các bệnh đường hô hấp, các bệnh về da, làm tăng nguy cơ mắc các bệnh ung thư, ...

b/ Một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí: Thu gom rác thải đúng quy định, không đốt rác; Trồng nhiều cây hoa, cây cảnh; Vệ sinh phòng học, nhà ở sạch sẽ, đảm bảo thông khí thường xuyên; Hạn chế sử dụng các hoá mỹ phẩm; Sử dụng xe đạp làm phương tiện đi lại; Sử dụng nhiên liệu hợp lí, tiết kiệm.

**Câu 2. Hãy gọi tên vật thể, tên chất trong các hình ảnh dưới đây:**





**Trả lời:** Hình 1: Vật thể là cái vỏ bút bi, chất là nhựa.

Hình 2: Vật thể là cái cốc, chất là thủy tinh.

Hình 3: Vật thể là cái lưỡi dao, chất là sắt.

Hình 4: Vật thể là cái lốp xe, chất là cao su.

**Câu 3. Khi đi học về, mở cửa nhà ra mà ngửi thấy mùi gas thì em nên làm gì?**

**Trả lời:** Đi học về mà ngửi thấy mùi gas thì nên hành động như sau:

- Mở hết cửa để khí gas bay ra ngoài.
- Khoá van an toàn ở bình gas.
- Tuyệt đối không bật công tắc điện, không đánh lửa.
- Báo cho người lớn để kiểm tra và sửa chữa trước khi sử dụng lại.

**Câu 4.**

**a) Em hãy nêu một số nguyên nhân dẫn đến ngộ độc thực phẩm.**

**b) Khi bị ngộ độc thực phẩm em cần phải làm gì?**

**c) Làm thế nào để phòng ngừa ngộ độc thực phẩm?**

**Trả lời**

a) Một số nguyên nhân gây ngộ độc thực phẩm:

- Thực phẩm quá hạn sử dụng;
- Thực phẩm nhiễm khuẩn;
- Thực phẩm nhiễm hoá chất độc hại;
- Thực phẩm được chế biến không đảm bảo quy trình vệ sinh.

b) Khi bị ngộ độc thực phẩm cần phải:

- Dùng ăn ngay thực phẩm đó;
  - Có thể kích thích họng để tạo phản ứng nôn, nôn ra hết thực phẩm đã dùng;
  - Pha orezol với nước cho người bị ngộ độc uống để tránh mất nước và trung hoà chất độc trong cơ thể;
  - Nếu ngộ độc nặng cần phải đưa tới bệnh viện cấp cứu;
  - Nên lưu lại mẫu thực phẩm để dễ tìm hiểu nguyên nhân ngộ độc khi cần.
- c) Để phòng ngừa ngộ độc thực phẩm, cần lưu ý:
- Ăn thực phẩm có nguồn gốc rõ ràng, còn hạn sử dụng;
  - Kiểm tra kĩ thực phẩm trước khi ăn;
  - Đảm bảo thực phẩm đưa vào chế biến món ăn là thực phẩm sạch, không nhiễm hoá chất độc hại;
  - Chế biến thực phẩm phải đảm bảo vệ sinh.

**Câu 5. Hãy trả lời các câu hỏi sau:**

- a) Cơ thể con người được cấu tạo từ tế bào nhân sơ hay tế bào nhân thực?
- b) Các nhà khoa học đã sử dụng dụng cụ gì để quan sát các tế bào sinh vật?
- c) Ba đặc điểm khái quát nhất về tế bào là gì?

**Trả lời:**

- a) Tế bào nhân thực.
- b) Kính hiển vi.
- c) Ba đặc điểm khái quát về tế bào:
  - Tế bào là đơn vị cơ sở và cấu trúc của sự sống;
  - Tế bào là nơi diễn ra mọi hoạt động sống của cơ thể;
  - Tế bào được hình thành từ tế bào khác.

**Câu 6. Từ mô đến cơ quan:**

Cơ quan là tập hợp của nhiều mô cùng thực hiện một chức năng trong cơ thể.

Cơ quan ở thực vật: rễ, thân, lá, hoa, quả, hạt.

Cơ quan ở động vật: dạ dày, ruột, gan, tim phổi, mắt, mũi, miệng,...

## BÀI 27. NGUYÊN SINH

### A. MỤC TIÊU

#### 1. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học tự tìm hiểu về các loại nguyên sinh vật và các bệnh do nguyên sinh vật gây ra;
- Giao tiếp và hợp tác: Tương tác, chia sẻ tích cực với các thành viên trong nhóm để tìm hiểu về nguyên sinh vật, các bệnh do nguyên sinh vật gây ra và biện pháp phòng chống;
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch, cách thức thu thập dữ liệu, cách thức xử lí các vấn đề phát sinh một cách sáng tạo khi khám phá nguyên sinh vật trong tự nhiên nhằm đạt được kết quả tốt nhất.

#### 2. Năng lực khoa học tự nhiên

- Nhận thức khoa học tự nhiên: Dựa vào hình thái, nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật; Nêu được vai trò của nguyên sinh vật trong tự nhiên và một số bệnh do nguyên sinh vật gây ra; Trình bày được các biện pháp phòng và chống bệnh do nguyên sinh vật;
- Tìm hiểu tự nhiên: Quan sát và vẽ được một số đại diện nguyên sinh vật (trùng roi, trùng giày, ...). Tìm kiếm thông tin về các loại nguyên sinh vật, những lợi ích và tác hại do nguyên sinh vật gây ra; Viết được báo cáo mô tả các biểu hiện bệnh và cách phòng chống để tuyên truyền, phổ biến về bệnh do nguyên sinh vật;
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Giải thích được một số bệnh do nguyên sinh vật gây ra trong thực tiễn dựa trên kiến thức đã học

### B. TỔ CHỨC DẠY HỌC

#### 1. NGUYÊN SINH VẬT LÀ GÌ?

##### **Hoạt động 1: Tìm hiểu hình dạng và đặc điểm cấu tạo của nguyên sinh vật**

GV hướng dẫn HS quan sát và nhận ra đặc điểm cấu tạo, sự đa dạng về hình dạng, môi trường sống của nguyên sinh vật.

Hướng dẫn HS để nhận diện được một số nguyên sinh vật và môi trường

sống của chúng. Có thể kết hợp hình 27.1 trong SGK để HS mô tả được cấu tạo của nguyên sinh vật.

Gợi ý, định hướng để HS thảo luận một số câu hỏi thảo luận trong SGK.

1. Quan sát hình 27.1, em có nhận xét gì về hình dạng của nguyên sinh vật.

Nguyên sinh vật không có hình dạng cố định, chúng có nhiều kiểu hình dạng khác nhau như: hình cầu, hình giày, hình thoi,...

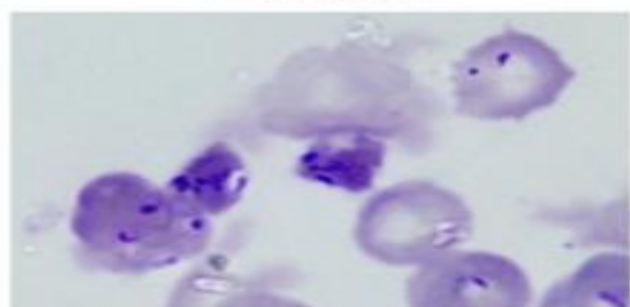
2. Dựa trên hình dạng của các nguyên sinh vật trong hình 27.1, em hãy xác định tên của các sinh vật quan sát được trong nước ao, hồ ở Bài 21. Trùng roi, trùng giày, tảo.



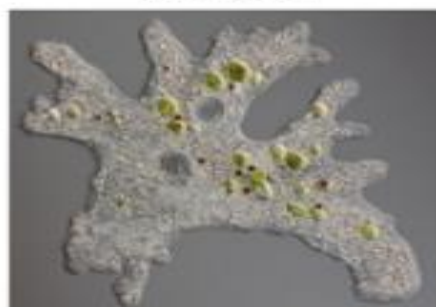
a) Trùng giày



b) Trùng roi



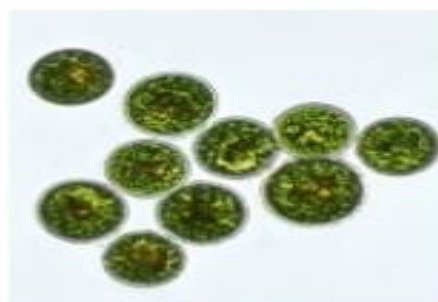
c) Trùng sốt rét



d) Trùng biến hình



e) Tảo silic



g) Tảo lục

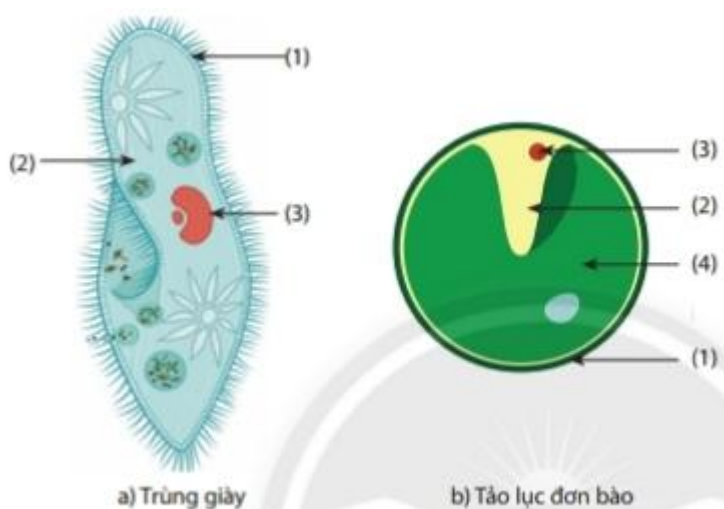
▲ Hình 27.1. Hình dạng nguyên sinh vật

3. Nguyên sinh vật thường sống ở những môi trường nào? Lấy ví dụ.

Đa số nguyên sinh vật sống trong môi trường nước: trùng giày, trùng biến hình, tảo lục, tảo silic; một số loài sống kí sinh trên sinh vật khác như trùng roi.

4. Nêu đặc điểm cấu tạo nguyên sinh vật bằng cách gọi tên các thành

phần cấu tạo được đánh số từ (1) đến (4) trong hình 27.2. Từ đó, nhận xét về tổ chức cơ thể (đơn bào/ đa bào) của nguyên sinh vật.



▲ Hình 27.2. Cấu tạo một số đại diện nguyên sinh vật

(1) Màng tế bào, (2) Chất tế bào, (3) Nhân, (4) Lục lạp.

Đa số nguyên sinh vật có cấu tạo cơ thể đơn bào.

### Luyện tập

\* Quan sát cấu tạo của một số đại diện nguyên sinh vật trong hình 27.2, em hãy cho biết những nguyên sinh vật nào có khả năng quang hợp? Giải thích.

- Tảo lục có khả năng tự tổng hợp chất hữu cơ vì tế bào chứa lục lạp.

*Thông qua các nội dung thảo luận, GV hướng dẫn HS rút ra kết luận theo gợi ý trong SGK.*

### \*Tiểu kết:

*Nguyên sinh vật là nhóm sinh vật có cấu tạo tế bào nhân thực, kích thước hiển vi.*

*- Đa số cơ thể chỉ gồm 1 tế bào nhưng đảm nhận đầy đủ các chức năng của một cơ thể sống*

*- Một số sinh vật có khả năng quang hợp: tảo lục, trùng roi,..*

*- Nguyên sinh vật đa dạng về hình dạng (hình cầu, hình thoi, hình giày,..) một số hình dạng không ổn định (trùng biến hình,..)*

## 2. BỆNH DO NGUYÊN SINH VẬT GÂY NÊN

**Hoạt động 2: Tìm hiểu về một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên**

GV hướng dẫn để HS tìm hiểu về một số bệnh phổ biến, biểu hiện, cách

phòng chống bệnh do nguyên sinh vật gây nên.

GV sử dụng phương pháp dạy trực quan kết hợp dạy học hợp tác theo nhóm nhỏ, yêu cầu HS tìm hiểu về bệnh do nguyên sinh vật gây ra. Có thể tổ chức dạy học dự án về các bệnh phổ biến, biểu hiện, cách phòng chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra. Qua đó, thảo luận trả lời các câu hỏi trong SGK.

5. Quan sát hình 27.3, 27.4 và hoàn thành bảng theo mẫu sau:



▲ Hình 27.3a. Muỗi Anopheles



▲ Hình 27.3b. Biểu hiện của người bị bệnh sốt rét



▲ Hình 27.4a. Trùng kiết lị  
– *Entamoeba histolytica*



▲ Hình 27.4b. Biểu hiện của người bị bệnh kiết lị

Tên bệnh	Nguyên nhân	Biểu hiện
Bệnh sốt rét	Trùng sốt rét	Sốt cao, rét run, mệt mỏi, nôn mửa.
Bệnh kiết lị	Trùng kiết lị	Đau bụng, tiêu chảy, phân có lẫn máu, có thể sốt.

6. Quan sát hình 27.5, kết hợp với thông tin thực tế, em hãy nêu một số biện pháp phòng chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra.



a) Ngủ màn



b) Vệ sinh an toàn thực phẩm



c) Diệt ruồi, muỗi



d) Vệ sinh cá nhân



e) Vệ sinh môi trường



g) Tuyên truyền vệ sinh môi trường

Ngủ màn; chỉ sử dụng thực phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh; diệt ruồi, muỗi, côn trùng, bọ gậy; vệ sinh cá nhân sạch sẽ; vệ sinh môi trường sống và nơi công cộng; tuyên truyền trong cộng đồng ý thức vệ sinh môi trường;...

### Luyện tập

\* Diệt ruồi, muỗi có phải là biện pháp duy nhất phòng chống bệnh sốt rét không? Vì sao?

- Ngoài diệt muỗi, khi ngủ phải mặc màn, giữ gìn môi trường sống sạch sẽ,...

*Thông qua các nội dung thảo luận, GV hướng dẫn HS rút ra kết luận theo gợi ý trong SGK.*

### *\*Tiểu kết:*

*Nguyên sinh vật là nguyên nhân gây ra một số bệnh ở người và động vật.*

*Một số biện pháp phòng chống các bệnh do nguyên sinh vật gây nên:*

- *Tiêu diệt côn trùng trung gian gây bệnh: muối, bọ gậy...*
- *Vệ sinh an toàn thực phẩm: ăn chín, uống sôi; rửa tay sạch sẽ trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh; bảo quản thức ăn đúng cách.*
- *Vệ sinh môi trường xung quanh sạch sẽ, tuyên truyền nâng cao ý thức cộng đồng về bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm*

### **Vận dụng**

\* Tại sao chúng ta cần nấu chín thức ăn, đun sôi nước uống, rửa sạch các loại thực phẩm trước khi sử dụng?

- Nấu chín thức ăn, đun sôi nước uống, rửa sạch các loại thực phẩm trước khi sử dụng nhằm tiêu diệt các loại nguyên sinh vật và vi khuẩn gây bệnh.

### **C. HƯỚNG DẪN GIẢI BÀI TẬP**

1. Đáp án c.

2. (1) tế bào, (2) phân bố, (3) sinh vật, (4) Nguyên sinh, (5) nhân thực, (6) dị dưỡng, (7) đơn bào, (8) đa bào, (9) tự dưỡng.

Trùng kiết lị -> thức ăn -> cơ quan tiêu hoá ở cơ thể người và gây bệnh

### **D. DẶN DÒ**

- Tiếp tục làm bài tập SGK
- Chuẩn bị bài 28.